

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 17 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Ông Hoàng Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nhất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. DƯƠNG QUỐC T (tên gọi khác: Dương Văn D), sinh ngày 25/10/1999 tại huyện QB, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn HQ, xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Th và bà Hoàng Thị L1; vợ con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 24/02/2018; có mặt.

2. HOÀNG VĂN K1, sinh ngày 05/8/1992 tại huyện QB, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn HQ, xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị X; vợ con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 24/02/2018; có mặt.

3. HOÀNG VĂN TH, sinh ngày 28/9/1988 tại huyện QB, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn HQ, xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K2 và bà Hoàng Thị Th; có vợ là Hoàng Thị L2 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/4/2009 bị đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định số 1088/QĐ-UB(NC) ngày 27/4/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, ngày 28/03/2011 đã chấp hành xong thời hạn đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc, đã được xóa tiền sự; bị bắt, tạm giam ngày 12/3/2018; được cho tại ngoại ngày 09/5/2018; có mặt.

- Bị hại: Anh Lục Văn Kh, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn TB, xã TY, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:*

Anh Lục Văn S1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn TB, xã TY, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn TN, xã VP, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn HQ, xã VT, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn HQ, xã VT, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn HQ, xã VT, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn VC, xã VP, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Anh Đỗ Ngọc Ng, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn VX, xã VP, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 15/01/2018, Hoàng Văn K1 điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave, không xác định được biển số (trước đó đã mượn của Hoàng Văn Th) chở Dương Quốc T đi chợ xã VT, thuộc thôn TM, xã VT, huyện QB. Khi đang ngồi ăn bánh rán tại công chợ, Hoàng Văn K1 hỏi Dương Quốc T có tiền trả nợ cho Hoàng Văn Th tiền Hoàng Văn K1 và Dương Quốc T xăm hình mà Hoàng Văn Th đã trả hộ chưa. Dương Quốc T trả lời chưa có tiền và không biết kiếm tiền ở đâu để trả. Nghe Dương Quốc T nói vậy, Hoàng Văn K1 rủ Dương Quốc T vào trong chợ trộm cắp xe máy để cầm cố lấy tiền trả cho Hoàng Văn Th và Dương Quốc T đồng ý. Dương Quốc T bảo Hoàng Văn K1 đưa cho một chiếc chìa khóa xe máy (dùng mở khóa điện để trộm cắp xe). Hoàng Văn K1 lấy một chiếc chìa khóa từ chùm chìa khóa xe đã mượn của Hoàng Văn Th để đưa cho Dương Quốc T. Sau đó, Hoàng Văn K1 đi xe máy còn Dương Quốc T đi bộ vào trong chợ. Thời điểm này là ngày chợ phiên xã VT nên rất đông người. Đi được một lúc thì Hoàng Văn K1 quay ra không thấy Dương Quốc T đâu, gọi điện thoại cho Dương Quốc T thì không nghe rõ nên Hoàng Văn K1 đi về nhà. Còn Dương Quốc T đi đến khu vực để xe máy phía sau chợ, thấy trong số các xe máy có một chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE ALPHA, màu sơn trắng, đen, bạc, biển số 23E1-078.44 (chiếc xe này là của anh Lục Văn S1, đã được bố của anh S1 là ông Lục Văn S2 cho anh Lục Văn Kh mượn để đi chợ). Dương Quốc T dùng chìa khóa mà Hoàng Văn K1 đưa trước đó mở khóa điện, khởi động và điều khiển chiếc xe này ra công chợ và đi theo đường tỉnh lộ 183, đem xe về cất giấu tại nhà mình ở thôn HQ, xã VT. Khi Dương Quốc T điều khiển xe trộm cắp về dọc đường thì bị Hoàng Văn K1 nhìn thấy. Đoán là Dương Quốc T đã trộm cắp được xe nên một lúc sau Hoàng Văn K1 gọi điện hỏi Dương Quốc T đang ở đâu. Dương Quốc T nói là về nhà rồi, đã trộm được một xe máy, hỏi Hoàng Văn K1 chỗ cất giấu. Hoàng Văn K1 nói với Dương Quốc T là sẽ gọi điện cho Hoàng Văn Th giúp tìm chỗ cất giấu. Sau đó,

Hoàng Văn K1 gọi điện cho Hoàng Văn Th, nói cho Hoàng Văn Th biết việc Dương Quốc T lấy trộm một chiếc xe máy và nhờ Hoàng Văn Th tìm chỗ cất giấu, Hoàng Văn Th đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, chưa thấy Hoàng Văn Th đến nên Dương Quốc T gọi điện cho Hoàng Văn Th, nói là mình trộm được một xe máy, nhờ Hoàng Văn Th tìm chỗ cất giấu. Một lúc sau, Hoàng Văn Th gọi điện cho Dương Quốc T, bảo đem chiếc xe máy trộm cắp được ra cổng làng văn hóa thôn HQ, xã VT để cùng nhau đi cất giấu. Sau khi Hoàng Văn Th gọi điện, Dương Quốc T dùng chiếc kim sắt của gia đình tháo biển số 23E1-078.44 của chiếc xe máy đã trộm cắp được, đem đi giấu tại bụi tre phía sau nhà. Hoàng Văn Th đến cổng làng văn hóa thôn HQ nhưng không thấy Dương Quốc T đâu nên gọi điện thì Dương Văn T là anh trai của Dương Quốc T nghe máy. Hoàng Văn Th bảo đưa điện thoại cho Dương Quốc T nghe. Dương Quốc T nghe điện thoại xong thì điều khiển xe máy trộm cắp được đến gặp Hoàng Văn Th tại cổng làng văn hóa thôn HQ. Hoàng Văn Th hỏi trộm cắp xe máy ở đâu nhưng Dương Quốc T không nói, chỉ bảo xe máy này mình và Hoàng Văn K1 trộm cắp được. Sau đó, Hoàng Văn Th điều khiển xe máy trộm cắp được còn Dương Quốc T điều khiển xe máy của Hoàng Văn Th đi đến nhà bác của Hoàng Văn Th là ông Hoàng Văn S, trú tại thôn VC, xã VP, huyện BQ, tỉnh Hà Giang vào lúc 21 giờ cùng ngày, gửi chiếc xe máy trộm cắp được tại nhà ông Hoàng Văn S nhưng không nói cho ông Hoàng Văn S là chiếc xe máy do trộm cắp mà có. Gửi xe xong, Hoàng Văn Th dùng xe máy của mình chở Dương Quốc T về, đến xã ĐY, huyện BQ, tỉnh Hà Giang thì gặp Hoàng Văn K1 đang chơi ở đó. Hoàng Văn K1 hỏi thì được cho biết việc Dương Quốc T cùng Hoàng Văn Th đem chiếc xe máy trộm cắp được đi cất giấu.

Chiều ngày 18/01/2018, Hoàng Văn K1 và Hoàng Văn Th đi sang nhà anh Đỗ Ngọc Ng tại thôn VX, xã VP chơi. Trên đường đi, Hoàng Văn K1 hỏi Hoàng Văn Th cất giấu xe máy trộm cắp ở đâu, Hoàng Văn Th nói gửi ở nhà ông Hoàng Văn S. Sau đó, Hoàng Văn K1 vào nhà anh Đỗ Ngọc Ng trước. Khi Hoàng Văn K1 đang ở nhà anh Đỗ Ngọc Ng thì Hoàng Văn Th gọi điện bảo Hoàng Văn K1 đi lấy xe máy trộm cắp gửi ở nhà ông Hoàng Văn S về. Hoàng Văn K1 nhờ anh Hoàng Văn C, trú tại thôn VB, xã VP, huyện BQ, tỉnh Hà Giang, lúc đó đang có mặt tại nhà anh Đỗ Ngọc Ng, dùng xe máy chở Hoàng Văn K1 đến nhà ông Hoàng Văn S lấy xe nhưng không nói cho anh Hoàng Văn C biết chiếc xe máy này là do trộm cắp mà có. Khi đến nhà ông Hoàng Văn S, Hoàng Văn K1 hỏi lấy xe máy mà Hoàng Văn Th đã gửi nhưng ông Hoàng Văn S không nhất trí. Hoàng Văn K1 gọi điện cho Hoàng Văn Th và đưa điện thoại cho ông Hoàng Văn S nói chuyện với Hoàng Văn Th. Sau đó, ông Hoàng Văn S cho Hoàng Văn K1 lấy xe. Lấy được xe, Hoàng Văn K1 điều khiển xe về nhà anh Đỗ Ngọc Ng vào khoảng 18 giờ cùng ngày, gạ cầm cố xe cho anh Đỗ Ngọc Ng nhưng anh Đỗ Ngọc Ng không đồng ý. Một lúc sau, anh Đỗ Thanh T, trú tại thôn TN, xã VP, huyện BQ, tỉnh Hà Giang đến nhà anh Đỗ Ngọc Ng, được anh Đỗ Ngọc Ng kể lại việc Hoàng Văn K1 gạ cầm cố xe máy. Anh Đỗ Thanh T hỏi Hoàng Văn K1 thì Hoàng Văn K1 nói xe máy là của mình, cầm cố với giá 2.000.000 đồng. Do đang cần phương tiện đi lại nên anh Đỗ Thanh T nhận cầm cố xe và vay của anh Đỗ Ngọc Ng 2.000.000 đồng đưa cho Hoàng Văn K1. Khoảng 17 giờ ngày 19/01/2018, Hoàng Văn K1 gặp Hoàng Văn Th, nói là đã cầm cố được chiếc xe máy trộm cắp và đưa cho Hoàng Văn Th toàn bộ số tiền 2.000.000 đồng do cầm cố xe máy trộm cắp

mà có để trả tiền xăm hình của Hoàng Văn K1 và Dương Quốc T nợ Hoàng Văn Th trước đó. Hoàng Văn Th đã sử dụng số tiền này đi chuộc điện thoại di động mà trước đó Hoàng Văn Th đã cầm cố để trả tiền xăm cho Hoàng Văn K1 và Dương Quốc T.

Về phần Dương Quốc T, ngay sau ngày trộm cắp xe máy đã cùng mẹ đi làm thuê ở tỉnh Bắc Cạn. Khi đang đi làm thuê, Dương Quốc T có nhận được điện thoại của Hoàng Văn K1 nói là đã lấy chiếc xe mà hôm trước Dương Quốc T và Hoàng Văn Th cất giấu, đi cầm cố được 2.000.000 đồng, trả tiền xăm hình cho Hoàng Văn Th.

Còn anh Lục Văn Kh, sau khi bị mất xe máy đã cùng người thân tự tổ chức đi tìm nhưng không có kết quả nên đã đến Công an trình báo vụ việc.

Ngày 30/01/2018, anh Đỗ Thanh T điều khiển xe máy đã nhận cầm cố từ Hoàng Văn K1, đến khu vực thôn HQ, xã VT, huyện QB thì bị Công an huyện Quang Bình phát hiện, tạm giữ xe. Khi kiểm tra xe máy, phát hiện xe đã bị tẩy xóa số khung, số máy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình đã điều tra, xác minh nhưng không xác định được đối tượng đã thực hiện hành vi tẩy xóa số khung, số máy của chiếc xe này.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình đã trưng cầu giám định xem chiếc xe máy bị thu giữ trên có bị tẩy xóa số khung, số máy không. Tại bản Kết luận giám định số 84/KLGD-PC54 ngày 02/02/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận:

“- Trên bề mặt số khung của xe gửi giám định bị tẩy xóa hoàn toàn. Quá trình giám định đã xác định được số khung nguyên thủy của xe là: ...HC1212D...6117. Tại vị trí dấu (...) còn một số ký tự nữa nhưng không xác định được.

- Trên bề mặt số máy của xe gửi giám định bị tẩy xóa hoàn toàn. Quá trình giám định đã xác định được số máy nguyên thủy của xe là: HC12E-5475700”.

Ngày 05/3/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình đã truy tìm và thu giữ biển số 23E1-078.44 của chiếc xe máy bị trộm cắp, bị Dương Quốc T cất giấu tại bụi tre phía sau nhà mình.

Theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000493 do Công an huyện Quang Bình cấp ngày 05/02/2015 và Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/02/2015 của Công an huyện Quang Bình thì chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, biển số 23E1.078.44 có số máy là HC12E5475700, số khung là RLHHC1212DY476117.

Theo Kết luận số 48a – KL/HĐĐG ngày 05/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quang Bình thì chiếc xe máy bị thu giữ ở trên có giá trị còn lại là 12.350.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 20/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình đã truy tố Dương Quốc T và Hoàng Văn K1 về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung

năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015), truy tố Hoàng Văn Th về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về dân sự: Các bị cáo đã nhờ gia đình mình bồi thường hộ. Đại diện gia đình các bị cáo và các anh Lục Văn Kh, Lục Văn S1 đã thống nhất rằng anh Lục Văn S1 là người nhận bồi thường với số tiền là 7.000.000 đồng chi phí đi tìm xe máy và sửa chữa xe máy (trong đó gia đình bị cáo Hoàng Văn Th bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng, còn gia đình các bị cáo Dương Quốc T và Hoàng Văn K1, mỗi gia đình bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng). Gia đình các bị cáo Dương Quốc T và Hoàng Văn K1 đã bồi thường cho anh Đỗ Thanh T số tiền là 2.000.000 đồng (mỗi gia đình bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng). Anh Lục Văn S1, anh Đỗ Thanh T đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm gì nữa.

Về vật chứng: Chiếc xe máy biển số 23E1.078.44 và biển số kèm theo đã được trả lại cho chủ sở hữu là anh Lục Văn S1. Ngoài ra còn có 03 chiếc điện thoại di động của các bị cáo và 01 chiếc kim sắt mà bị cáo Dương Quốc T đã sử dụng để tháo biển số chiếc xe máy trộm cắp được.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Dương Quốc T và Hoàng Văn K1 phạm tội Trộm cắp tài sản, bị cáo Hoàng Văn Th phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Dương Quốc T và Hoàng Văn K1, mỗi bị cáo từ 07 đến 10 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Th từ 06 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 12 đến 16 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo Th; về dân sự: Anh Lục Văn S1 và anh Đỗ Thanh T đã được bồi thường thiệt hại xong, không yêu cầu gì nữa nên không xem xét đến; về vật chứng thì đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu, tiêu hủy 02 chiếc điện thoại của các bị cáo Dương Quốc T và Hoàng Văn K1, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kim, trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Th chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo; buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên và thấy hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên. Bà Hoàng Thị L1 (mẹ bị cáo Dương Quốc T), ông Hoàng Văn H (bố của bị cáo Hoàng Văn K1) và bà Hoàng Thị Th (mẹ của bị cáo Hoàng Văn Th) đều có ý kiến là không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã dùng để bồi thường thay cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quang Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận có hành vi như cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng; phù hợp với các biên bản khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, thực nghiệm điều tra, phù hợp với vật chứng cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Ngày 15/01/2018, bị cáo Hoàng Văn K1 đã rủ bị cáo Dương Quốc T trộm cắp xe máy và bị cáo T đã trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, biển số 23E1.078.44, có giá trị còn lại là 12.350.000 đồng. Từ Kết luận giám định số 84/KLGD-PC54 ngày 02/02/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000493 do Công an huyện Quang Bình cấp ngày 05/02/2015 cũng như Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/02/2015 của Công an huyện Quang Bình, đủ căn cứ khẳng định chiếc xe máy mà bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp thuộc về chủ sở hữu là anh Lục Văn S1. Các bị cáo K1 và T đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi trộm cắp, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là khách thể được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Hội đồng xét xử thấy luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Hoàng Văn K1 và Dương Quốc T phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Còn bị cáo Hoàng Văn Th, là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi được các bị cáo K1 và T nhờ tìm chỗ cất giấu xe máy, mặc dù không có hứa hẹn trước và biết rõ chiếc xe máy này là do các bị cáo K1 và T trộm cắp được mà có nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi tìm chỗ gửi xe để cất giữ, che giấu chiếc xe máy trên; hành vi này đã xâm phạm đến trật tự công cộng, là khách thể được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Hội đồng xét xử thấy luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Hoàng Văn Th phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Đối với bị cáo K1, là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T đi trộm cắp xe máy, sau đó là người trực tiếp đem xe máy đi cầm cố lấy tiền. Còn bị cáo T, khi nghe bị cáo K1 rủ đi trộm cắp đã hưởng ứng và là người trực tiếp, tích cực thực hiện hành vi trộm cắp xe máy, sau đó đem xe đi cất giấu. Các bị cáo K1 và T cố ý cùng thực hiện tội Trộm cắp tài sản nên là đồng phạm nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Tuy nhận thức được trộm cắp tài sản là hành vi sai trái, vi

phạm pháp luật nhưng vì cần tiền để trả nợ nên các bị cáo vẫn cố ý trộm cắp tài sản. Hành vi trên của các bị cáo thể hiện việc coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, cần được nghiêm trị với mức án tương đương, phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện và giá trị tài sản trộm cắp, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian. Tuy nhiên, hai bị cáo đều có nhân thân tốt, đã tác động gia đình nhờ bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án; đều là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, lúc đầu các bị cáo chưa khai báo thành khẩn, nhưng sau đó và tại giai đoạn truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Th, vì mối quan hệ họ hàng (các bị cáo K1 và T là em họ của bị cáo Th) nên tuy biết là xe máy do các bị cáo K1 và T trộm cắp mà có nhưng vẫn thực hiện hành vi tìm chỗ gửi xe để cất giữ, che giấu chiếc xe máy trên. Hành vi này của bị cáo thể hiện việc coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, cần được nghiêm trị. Về nhân thân, tuy bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng. Bị cáo đã tác động gia đình nhờ bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ly hôn với vợ, hiện nay còn nuôi 01 con nhỏ dưới 03 tuổi (sinh ngày 28/12/2015), là lao động chính trong gia đình và bị cáo thuộc hộ nghèo; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, quy định tại các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cần được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Th.

[4] Về dân sự: Các bị cáo đã nhờ gia đình mình bồi thường hộ. Anh Lục Văn S1, anh Đỗ Thanh T đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm gì nữa. Đại diện gia đình các bị cáo đều không yêu cầu các bị cáo phải trả lại đối với số tiền đã dùng để bồi thường thay cho các bị cáo. Do đó, vấn đề dân sự đã được giải quyết xong.

[5] Về vật chứng: Chiếc xe máy biển số 23E1.078.44 và biển số kèm theo đã được trả lại cho chủ sở hữu là anh Lục Văn S1. Đối với 02 chiếc điện thoại di động của các bị cáo T và K1, do đã cũ hỏng, không còn sử dụng được, 01 chiếc kim sắt mà bị cáo T đã sử dụng để tháo biển số chiếc xe máy trộm cắp được, các bị cáo T và K1 đều không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu, tiêu hủy. Còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng, cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Th.

[6] Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Quốc T (tên gọi khác: Dương Văn D) và Hoàng Văn K1 phạm tội Trộm cắp tài sản; bị cáo Hoàng Văn Th phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Dương Quốc T (tên gọi khác: Dương Văn D) 07 (bảy) tháng tù, xử phạt bị cáo Hoàng Văn K1 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo Dương Quốc T và Hoàng Văn K1 tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 24/02/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Th 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã VT, huyện QB, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy các vật chứng là 01 điện thoại di động mặt trước màu trắng có ghi chữ mobiistar B213 viền màu xanh, mặt sau màu đen (đã qua sử dụng), 01 điện thoại di động vỏ màu đen, mặt trước điện thoại bị vỡ, mặt trước và mặt sau không ghi số hay nhãn mác gì (đã qua sử dụng), 01 chiếc kim sắt; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Th 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A39, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng (*chi tiết vật chứng thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Quang Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình ngày 21/6/2018*).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Dương Quốc T, Hoàng Văn K1, Hoàng Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng